

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: **Đồng**

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
I	<u>TÀI SẢN NGẮN HẠN</u>	474,007,216,829	549,159,222,469
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	58,123,324,363	180,889,165,564
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	35,924,326,949	10,723,809,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	230,263,271,285	227,570,522,863
4	Hàng tồn kho	89,405,992,569	97,728,211,661
5	Tài sản ngắn hạn khác	60,290,301,663	32,247,513,381
II	<u>TÀI SẢN DÀI HẠN</u>	94,968,371,163	202,101,697,902
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	39,423,805,809	122,385,092,494
	- TSCĐ hữu hình	26,968,894,582	47,043,302,453
	- TSCĐ vô hình	2,330,007,620	36,157,339,298
	- TSCĐ thuê tài chính		27,322,901,502
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10,124,903,607	11,861,549,241
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	53,631,131,100	65,682,243,100
5	Tài sản dài hạn khác	1,913,434,254	3,966,104,875
6	Lợi thế thương mại		10,068,257,433
III	<u>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</u>	568,975,587,992	751,260,920,371
IV	<u>NỢ PHẢI TRẢ</u>	372,508,893,793	490,015,585,235
1	Nợ ngắn hạn	355,976,585,410	461,271,900,730
2	Nợ dài hạn	16,532,308,383	28,743,684,505
V	<u>VỐN CHỦ SỞ HỮU</u>	196,466,694,199	259,285,958,955
1	Vốn chủ sở hữu	196,615,892,787	258,197,960,931
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	99,972,960,000	109,967,770,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	59,924,599,600	59,924,599,600
	- Cổ phiếu quỹ	(100,070,800)	(142,489,800)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		

	- Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá hối đoái		
STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
	- Các quỹ	2,496,890,316	17,025,706,585
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34,321,513,671	71,422,374,546
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	(149,198,588)	1,087,998,024
	- Quỹ Phúc lợi, khen thưởng	(149,198,588)	1,087,998,024
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	<u>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</u>		1,959,376,181
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	568,975,587,992	751,260,920,371

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Áp dụng đối với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2007	NĂM 2008
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,999,903,459,565	4,215,329,658,892
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1,328,419,938	1,515,312,155
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,998,575,039,627	4,213,814,346,737
4	Giá vốn hàng bán	2,934,078,970,456	4,043,598,492,811
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64,496,069,171	170,215,853,926
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	22,384,733,773	21,847,253,034
7	Chi phí tài chính	18,586,967,087	54,425,967,446
8	Chi phí bán hàng	22,763,813,588	38,662,090,306
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6,265,246,038	18,647,677,802
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	39,264,776,231	80,327,371,406
11	Thu nhập khác	1,313,200,151	3,716,292,977
12	Chi phí khác	239,437,648	1,105,615,209
13	Lợi nhuận khác	1,073,762,503	2,610,677,768
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40,338,538,734	82,938,049,174
15	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6,017,025,063	10,856,998,606
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	34,321,513,671	72,081,050,568
17	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		107,654,767
18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ		71,973,395,801
19	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	4,926	6,652

20	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		
----	--------------------------	--	--

III.CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

(Chỉ áp dụng đối với báo cáo tài chính năm)

STT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	NĂM 2007	NĂM 2008
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản cố định/Tổng tài sản		16.69	26.90
	- Tài sản lưu động/Tổng tài sản		83.31	73.10
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		65.47	65.23
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		34.53	34.51
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0.16	0.39
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1.53	1.53
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản		7.09	11.04
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1.14	1.71
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		17.47	27.76

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)